

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2014/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2014

THÔNG TƯ**Hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác cầu
trên đường giao thông nông thôn**

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (Nghị định số 11/2010/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ (Nghị định số 100/2013/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng (Nghị định số 114/2010/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng (Nghị định số 15/2013/NĐ-CP);

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Thông tư này hướng dẫn về công tác quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn.

Việc bảo trì cầu trên đường giao thông nông thôn được thực hiện theo quy định của Nghị định số 114/2010/NĐ-CP, Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ (Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT);

b) Đối với cầu khác trên hệ thống đường ngoài phạm vi điều chỉnh quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, căn cứ đặc điểm, quy mô từng cầu có thể tham khảo Thông tư này để quản lý, vận hành khai thác cho phù hợp.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đường giao thông nông thôn* bao gồm: đường trục xã, đường liên xã, đường trục thôn; đường trong ngõ xóm và các điểm dân cư tương đương; đường trục chính nội đồng.

2. *Cầu trên đường giao thông nông thôn (sau đây gọi tắt là cầu)* bao gồm: cầu treo, cầu có kết cấu nhịp dạng dầm, dàn, khung, vòm được xây dựng trên các tuyến đường giao thông nông thôn.

3. *Cơ quan quản lý đường bộ* là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành thuộc Bộ Giao thông vận tải; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).

4. *Chủ quản lý sử dụng cầu* là tên gọi chung của tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao quản lý, vận hành khai thác và sử dụng cầu thuộc sở hữu nhà nước; Chủ sở hữu cầu đối với cầu không thuộc sở hữu nhà nước; cộng đồng dân cư đối với cầu do cộng đồng đóng góp hoặc các tổ chức, cá nhân, tư nhân đóng góp vốn đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành khai thác và bảo trì.

5. *Đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành khai thác cầu (sau đây gọi tắt là Đơn vị quản lý cầu)* là tổ chức, cá nhân được Chủ quản lý sử dụng cầu giao nhiệm vụ, ký kết hợp đồng thực hiện việc quản lý, vận hành khai thác cầu, bảo dưỡng thường xuyên cầu.

Điều 3. Yêu cầu chung đối với công tác quản lý, vận hành khai thác cầu

1. Việc quản lý, vận hành khai thác cầu phải bảo đảm an toàn giao thông, an toàn cho công trình cầu, an toàn cho người, tài sản và công trình khác trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của cầu, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

2. Cầu khi đưa vào vận hành khai thác phải bảo đảm chất lượng theo quy định.

3. Mọi tổ chức, cá nhân không được:

a) Tự ý tháo, lắp hoặc có hành vi phá hoại các bộ phận, hạng mục của công trình cầu và đường hai đầu cầu; viết, vẽ các nội dung không phù hợp hoặc xóa biển báo hiệu; phá hủy, che khuất biển báo hiệu;

b) Lấn chiếm, sử dụng trái phép và vi phạm hành lang an toàn đường bộ của cầu;

c) Vi phạm quy định về tải trọng, khổ giới hạn của cầu, tốc độ cho phép khi đi trên cầu;

d) Vi phạm các hướng dẫn, quy định về việc tham gia giao thông trên cầu;

đ) Sử dụng mặt cầu, gầm cầu và các bộ phận cầu, đất của đường bộ trái quy định;

e) Lắp đặt, treo đường ống cấp, thoát nước, dây điện, cáp viễn thông vào cầu, trừ khi thiết kế của cầu có quy định và được phép của Chủ quản lý sử dụng cầu;

g) Vi phạm các quy định của Luật Giao thông đường bộ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý, vận hành khai thác cầu

1. Xác định Chủ quản lý sử dụng cầu:

a) Đối với cầu thuộc sở hữu nhà nước, Chủ quản lý sử dụng cầu được xác định căn cứ vào quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc phân công, phân cấp cho Ủy ban nhân dân các cấp, Sở Giao thông vận tải và các cơ quan trực thuộc trong việc quản lý, vận hành khai thác cầu trên địa bàn;

b) Đối với cầu thuộc sở hữu của cộng đồng dân cư, sở hữu tư nhân và các trường hợp không thuộc sở hữu nhà nước, Chủ sở hữu là Chủ quản lý sử dụng cầu.

Trường hợp cộng đồng dân cư, tư nhân sau khi đầu tư xây dựng xong không đủ khả năng làm Chủ quản lý sử dụng cầu thì cơ quan được phân công, phân cấp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ quản lý sử dụng cầu;

c) Trường hợp cầu được xây dựng bằng nhiều nguồn vốn từ sự đóng góp của cộng đồng dân cư, Nhà nước góp vốn hoặc hỗ trợ, tài trợ của tổ chức, cá nhân thì các bên góp vốn thống nhất lựa chọn Chủ quản lý sử dụng cầu.

2. Chủ quản lý sử dụng cầu chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan cấp trên (nếu có) về việc quản lý, vận hành khai thác cầu theo quy định của Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Chủ quản lý sử dụng cầu có thể ủy quyền, giao nhiệm vụ, ký kết hợp đồng với Đơn vị quản lý cầu để thực hiện một phần hoặc toàn bộ công việc quản lý, vận hành khai thác cầu. Trong trường hợp này, Chủ quản lý sử dụng cầu vẫn phải chịu trách nhiệm về sự cố hay sự xuống cấp của cầu trong thời gian vận hành khai thác cầu.

4. Đơn vị quản lý cầu chịu trách nhiệm theo ủy quyền, văn bản giao nhiệm vụ, hợp đồng ký kết với Chủ quản lý sử dụng cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quản lý, vận hành khai thác cầu đúng với nội dung được giao và quy định tại Thông tư này.

Chương II

HƯỚNG DẪN LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ SỬ DỤNG QUY TRÌNH QUẢN LÝ, VẬN HÀNH KHAI THÁC CẦU

Điều 5. Các loại cầu phải lập quy trình quản lý, vận hành khai thác

1. Cầu được đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp thuộc các trường hợp sau phải lập, ban hành quy trình quản lý, vận hành khai thác:

a) Cầu treo có khẩu độ nhịp từ 70m trở lên; cầu dầm thép, cầu dầm có khẩu độ nhịp từ 50m trở lên và các công trình cầu cấp II trở lên theo quy định của Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng (sau đây viết tắt là Thông tư số 10/2013/TT-BXD);

b) Các trường hợp khác do Người quyết định đầu tư, Chủ đầu tư quyết định.

2. Cầu đang khai thác sử dụng thuộc các trường hợp sau phải lập, ban hành quy trình quản lý, vận hành khai thác:

a) Các cầu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Các trường hợp khác do Chủ quản lý sử dụng cầu quyết định.

3. Quy trình quản lý, vận hành khai thác có thể được lập riêng hoặc lập cùng với quy trình bảo trì cầu.

Điều 6. Tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt quy trình quản lý, vận hành khai thác cầu

1. Đối với cầu xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp:

a) Tư vấn thiết kế kỹ thuật (đối với công trình cầu thiết kế ba bước), tư vấn thiết kế bản vẽ thi công (đối với công trình cầu có thiết kế một bước hoặc hai bước) có trách nhiệm lập quy trình quản lý, vận hành khai thác cầu.

Trường hợp tư vấn thiết kế không lập quy trình, Chủ đầu tư có trách nhiệm lựa chọn tổ chức khác có đủ năng lực, kinh nghiệm để lập quy trình quản lý, vận hành khai thác cầu;

b) Chủ đầu tư có trách nhiệm thẩm định, phê duyệt quy trình quản lý, vận hành khai thác cầu.

Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư thuê tư vấn thẩm tra quy trình quản lý, vận hành khai thác cầu trước khi phê duyệt. Tư vấn thẩm tra phải chịu trách nhiệm về chất lượng và nội dung quy trình do mình thẩm tra;

c) Nhà cung cấp thiết bị (nếu có) có trách nhiệm bàn giao quy trình quản lý, vận hành khai thác thiết bị do mình cung cấp cho Chủ đầu tư.

2. Đối với cầu đã đưa vào khai thác:

a) Cầu thuộc sở hữu nhà nước hoặc có sử dụng vốn nhà nước để quản lý, vận hành khai thác, Chủ quản lý sử dụng cầu tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy trình quản lý, vận hành khai thác theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Cầu thuộc sở hữu của cộng đồng dân cư, sở hữu tư nhân, Chủ quản lý sử dụng cầu có trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt quy trình quản lý, vận hành khai thác;

c) Việc lập quy trình quản lý, vận hành khai thác cầu do Chủ quản lý sử dụng cầu tự thực hiện hoặc thuê tư vấn đủ năng lực kinh nghiệm để thực hiện.

3. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, cộng đồng dân cư là Chủ đầu tư, Chủ quản lý sử dụng cầu, trước khi phê duyệt quy trình quản lý, vận hành khai thác cầu phải thỏa thuận với Sở Giao thông vận tải.

Điều 7. Nội dung quy trình quản lý, vận hành khai thác cầu

Nội dung quy trình quản lý, vận hành khai thác cầu, bao gồm:

1. Quy định chung, bao gồm:

a) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của quy trình;

b) Hiệu lực áp dụng quy trình;

c) Các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành liên quan đến việc lập quy trình và tổ chức quản lý, vận hành khai thác cầu, bao gồm Luật Giao thông đường bộ, các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao thông đường bộ, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

d) Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật viện dẫn để quản lý, vận hành khai thác cầu, bao gồm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật dùng để thiết kế cầu, vật liệu chính sử dụng để xây dựng cầu, tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế đường đầu cầu và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật khác;

đ) Các tài liệu tham khảo, tài liệu được viện dẫn;

e) Hồ sơ tài liệu về công trình cầu trong giai đoạn thực hiện đầu tư xây dựng và bản vẽ hoàn công là tài liệu phục vụ quản lý, vận hành khai thác cầu. Trong quy trình phải có các thông tin khái quát về phạm vi cầu, các bộ phận của cầu, đường